TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/KDTM -ST
Ngày: 26/9/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Gái.

2. Bà Đinh Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 12/2019/TLST-KDTM ngày 06 tháng 03 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2019/QĐXXST - KDTM ngày 09 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2019/QĐST – KDTM ngày 06/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Trụ sở: 89, Láng Hạ, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Nguyễn Thành Trung hoặc ông Ma Khắc Khiêm làm đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền 31787/2019/UQ - PGĐ lập ngày 30/8/2019).

Địa chỉ liên hệ: Tầng 1, Tòa nhà ACM, số 96, Cao Thắng, phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty F

Trụ sở: Số X, đường Y, phường Z, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà N T Q N

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà N T Q N, sinh năm : 1985

Địa chỉ : Số X, đường Y, phường Z, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2019, bản tự khai, biên bản làm việc và biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có ông Nguyễn Đỗ Thành Trung là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 10/11/2017, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (gọi tắt là Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng) và Công ty F(gọi tắt là Công ty F) đã ký hợp đồng cho vay hạn mức số SME/QN2/17/0080/HDHM vay số tiền là 481.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi mốt triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 24,3%/năm, điều chỉnh 03 tháng/1 lần, mục đích vay là Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động vệ sinh căn hộ cao cấp.

Để đảm bảo khoản vay, các bên thống nhất áp dụng biện pháp bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của Bà N T Q N theo hợp đồng bảo lãnh số SME/QN2/17/0080/HDBL ngày 10/11/2017 được ký kết giữa Bà N T Q N, Công ty Fvà Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công ty F thanh toán được số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng, lãi là 36.999.756 đồng, tổng cộng là 196.999.756 đồng (một trăm chín mươi sáu triệu chín trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi sáu đồng). Kể từ ngày 10/4/2018, Công ty F & F đã không thực hiện đúng theo thỏa thuận. Rất nhiều lần phía Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng đã yêu cầu phía Công ty F & F thanh toán nợ như đã thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phía Công ty vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay tại Tòa, phía Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng yêu cầu:

Buộc Công ty F trả ngay 01 lần cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng tổng cộng số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 26/9/2019 là 520.174.520 đồng (năm trăm hai mươi triệu, một trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm hai mươi đồng) bao gồm số tiền nợ gốc là 321.000.000 đồng (ba trăm hai mươi mốt triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 7.871.730 đồng (bảy triệu, tám trăm bảy mươi mốt nghìn, bảy trăm ba mươi đồng), lãi quá hạn là 174.828.638 đồng (một trăm bảy mươi bốn triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng), phạt chậm trả lãi là 16.474.153 đồng (mười sáu triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, một trăm năm mươi ba đồng).

Kể từ ngày 27/9/2019, tiền lãi vẫn tiếp tục phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết nói trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Đồng thời yêu cầu Bà N T Q N phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ của Công ty Fcho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng bảo lãnh giữa Bà N T Q N, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ F &F và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có ông Ma Khắc Khiêm là người đại diện theo ủy quyền thống nhất với lời trình bày và yêu cầu do ông Trung là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đã trình bày. Ngoài ra, ông Khiêm không có ý kiến nào khác.

Bị đơn Công ty F có Bà N T Q N là người đại diện theo pháp luật trình bày: Công ty F(gọi tắt là Công ty F&F) xác nhận chữ ký, dấu đóng trong hợp đồng cho vay hạn mức số SME/QN2/17/0080/HĐHM ngày 10/11/2017, trong khế ước nhận nợ lần 01/số SME/QN2/17/0008/HDHM – 01) ngày 10/11/2017, hợp đồng bảo lãnh ngày 10/11/2017 là của bà Q Nvà của Công ty F&F. Phía Công ty Fcũng đã được Ngân hàng chuyển khoản số tiền nợ gốc là 481.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi mốt triệu đồng) theo khế ước nhận nợ, thời hạn vay là đúng, mức lãi suất cũng nằm trong biên độ do nhân viên Ngân hàng tư vấn. Phía Công ty Fđã trả cho Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng số tiền là 196.999.756 đồng (một trăm chín mươi sáu triệu chín trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi sáu đồng). Gần 01 tháng, sau ngày Công ty Fđược giải ngân, bà Q Nnhận được tin nhắn thông báo Công ty Fphải thanh toán một phần số tiền nợ gốc, lãi với số tiền trên 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), trong khi đó, thỏa thuận ban đầu là phía Công ty Fchỉ trả số tiền lãi là khoảng hơn 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và tiền nợ gốc là trả cuối kỳ. Sau khi nhận được tin nhắn, bà Q Ncó liên hệ với bà Ngô Thị Thu Hương – nhân viên tư vấn của Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng phụ trách mảng doanh nghiệp thì được trả lời quy định trả gốc và lãi là quy định bắt buộc của Ngân hàng nên bà Hương không phải tư vấn điều đó. Sau đó, bà Q Nyêu cầu phía Ngân hàng cung cấp toàn bộ các hợp đồng tín dụng đã ký kết thì được phía Ngân hàng cung cấp và lúc này bà Q Nmới phát hiện các thông tin bỏ trống đều điền tay. Tại thời điểm ký hợp đồng, tất cả các thông tin đều để trống. Sau đó, bà Hương yêu cầu phía Công ty Fphải thanh toán nợ đúng hẹn thì mới có cơ sở để cơ cấu lại việc trả nợ nhưng khi phía Công ty Fthực hiện việc thanh toán thì phía Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng không thực hiện. Nay tại Tòa, phía bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền là 350.946.375 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng, chín trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng) bao gồm số tiền nợ gốc là 321.000.000 đồng (ba trăm hai mươi mốt triệu đồng) và tiền lãi là 29.946.375 đồng (hai mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng), trả làm 03 (ba) lần trong vòng 06 (sáu) tháng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà N T Q N trình bày: Bà xác nhận có ký hợp đồng bảo lãnh ngày 10/11/2017 giữa bà, Công ty Fvà Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Bà đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng về việc trong trường hợp Công ty Fkhông trả được nợ cho Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng thì bà sẽ có trách nhiệm trả các khoản nợ vay theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân Quận 2 đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án rút kinh nghiệm về thời hạn xét xử.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Quận 2 nhận định:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn Công ty F&F, địa chỉ: 116-118, đường Trương Văn Bang, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Do bị đơn có trụ sở tại Quận 2 nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

Về tư cách tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bà Q Ncung cấp nội dung tin nhắn qua email, zalo vào tháng 5, tháng 6 năm 2018 giữa bà Hương và bà Q Nvề việc trao đổi thông tin làm hồ sơ vay nợ của bà Quỳnh Như, nội dung trao đổi không thể hiện thông tin bà Ngô Thị Thu Hương trả lời bà Q Nvề việc phía Ngân hàng không giải thích nghĩa vụ Công ty Fphải trả cả gốc, lãi trong tháng. Đồng thời, phía bà Q Nkhông cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh khi hai bên ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh... các thông tin đều để trống, phía bà Như ký khống vào các văn bản và phía Ngân hàng điền thông tin sau. Mặt khác, bà Q Nxác nhận số tiền nợ gốc, thời hạn vay, lãi suất vay, số tiền Công ty Fđã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng là đúng và dấu đóng, chữ ký trong các văn bản đã ký giữa hai bên là của Công ty Fvà của bà Q Nnên Hội đồng xét xử không đưa bà Ngô Thị Thu Hương vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc 321.000.000 đồng (ba trăm hai mươi mốt triệu đồng), Hội đồng xét xử xét nhận định: Căn cứ Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/QN2/17/0080/HDHM ngày 10/11/2017; Khế ước nhận nợ số SME/QN2/17/0080/HDHM-01) ngày 10/11/2017, thể hiện: Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty Fvay số tiền 481.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi mốt triệu đồng), mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ vệ sinh căn hộ cao cấp, lãi suất cho vay 24,3%/năm, thời hạn vay 12 tháng, không có tài sản bảo đảm. Đồng thời, phía bị đơn xác nhận Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng đã chuyển cho Công ty Fsố tiền nợ gốc là 481.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi mốt triệu đồng), phía Công ty Fđã thanh toán được số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng và phía Công ty Fđồng ý trả cho Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng số tiền nợ gốc là 321.000.000 đồng (ba trăm hai mươi mốt triệu đồng). Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 về yêu cầu nợ gốc là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu số tiền nợ gốc.

Về yêu cầu tiền lãi: Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 qui định: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Các bên tự nguyện thỏa thuận về mức tiền lãi, và được quy định trong hợp đồng. Tiền lãi theo thỏa thuận là 24.3%/năm, điều chỉnh 03 tháng 01 lần, và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 về tiền lãi là có cơ sở. Do đó, số tiền lãi mà Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng yêu cầu là có cơ sở chấp nhận. Kể từ ngày 27/9/2019 nếu Công ty F không trả, thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/QN2/17/0080/HDHM ngày 10/11/2017.

Đối với hợp đồng bảo lãnh: Bà Q Nxác nhận có ký kết hợp đồng bảo lãnh số SME/QN2/17/0080/HDBL ngày 10/11/2017 để bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ của Công ty Ftheo hợp đồng cho vay hạn mức cấp số SME/QN2/0080 ngày 10/11/2017. Như vậy, hợp đồng bảo lãnh nói trên được coi là các biện pháp bảo đảm khác. Phía bà Q Nđồng ý thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty Fđối với khoản nợ vay nếu Công ty Fkhông thực hiện được nghĩa vụ trả nợ. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 là có cơ sở. Do đó, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng buộc Bà N T Q N phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với khoản nợ nói trên theo hợp đồng bảo lãnh trong trường hợp phía Công ty Fkhông thực hiện được nghĩa vụ trả nợ.

Về án phí:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm vì yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Flà 24.806.981 đồng (hai mươi bốn triệu, tám trăm lẻ sáu nghìn, chín trăm tám mươi mốt đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng là 10.731.376 đồng (mười triệu, bảy trăm ba mươi mốt nghìn, ba tră bảy mươi sáu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2017/0016084 ngày 06 tháng 03 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 116, Điều 117, Điều 335, 336, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung 2017;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng: Buộc Công ty F&Fcó trách nhiệm thanh toán tổng cộng số tiền tính đến ngày 26/9/2019 là 520.174.520 đồng (năm trăm hai mươi triệu, một trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm hai mươi đồng) bao gồm số tiền nợ gốc là 321.000.000 đồng (ba trăm hai mươi mốt triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 7.871.730 đồng (bảy triệu, tám trăm bảy mươi mốt nghìn, bảy trăm ba mươi đồng), lãi quá hạn là 174.828.638 đồng (một trăm bảy mươi bốn triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng), phạt chậm trả lãi là 16.474.153 đồng (mười sáu triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, một trăm năm mươi ba đồng).

Kể từ ngày 27/9/2019, Công ty Fkhông trả, thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp hạn mức số SME/QN2/17/0080/HDHM ngày 10/11/2017.

Buộc Bà N T Q N phải chịu trách nhiệm cá nhân trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng bảo lãnh số SME/QN2/17/0080/HDBL ngày 10/11/2017 giữa bà Nguyễn Trần Quỳnh Anh, Công ty Fvà Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Các bên Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Flà 24.806.981 đồng (hai mươi bốn triệu, tám trăm lẻ sáu nghìn, chín trăm tám mươi mốt đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng là 10.731.376 đồng (mười triệu, bảy trăm ba mươi mốt nghìn, ba tră bảy mươi sáu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2017/0016084 ngày 06 tháng 03 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty F&F, Bà N T Q N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân quận 2 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM;
-VKSND Q2;
- Chi Cục THADS Q2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Hoài